

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-PT

Ngày: 21-4-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thanh Hòa

Ông Trần Phước Hiệu

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Trung – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2021/DS-ST ngày 09/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐ-PT ngày 04/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 24a/2022/QĐ-PT ngày 21/3/2022; Thông báo mời lại phiên tòa số 40/TB-TA ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ Ph, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ Ph, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1961 (ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị S).

+ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1972 (ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị Mỹ L).

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Đ Ph, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị S là nguyên đơn.

Tại phiên tòa có mặt: Nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức M trình bày:

Bà yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà số tiền bà Linh đã vay là 64.600.000 đồng vào ngày 02/6/2015 và yêu cầu tính lãi trên số tiền vay gốc từ tháng 7/2015 đến tháng 7/2021 theo mức lãi suất 1%/tháng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Bà công nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 02/6/2014 bà Nguyễn Thị S cung cấp là của bà. Tuy nhiên, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S. Vì sau khi chốt sổ nợ, bà đã trả đủ cho bà S dưới hình thức góp hàng ngày, cuốn tập học sinh mà bà cung cấp cho Tòa án có ghi nội dung theo dõi bà góp tiền cho bà S. Do đó hiện nay bà không còn thiếu tiền vay của bà S. Do chỗ quen biết chị em với nhau nên bà chủ quan, sau khi góp đủ tiền không lấy lại giấy nợ gốc, từ đó bà S mới dùng giấy nợ gốc này đi khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ông là chồng của bà L, ông công nhận khoảng 2012 – 2013, vợ chồng ông có vay của bà S để kinh doanh vận tải ô tô khách nhưng sau đó đã trả góp đủ cho bà S, ông xác định hiện nay vợ chồng ông không còn thiếu tiền gì của bà S nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà S.

Sau khi hòa giải không thành, ngày 09/8/2021, Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 64/2021/DS-ST, quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 203, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 13 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S về việc buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà S số tiền gốc đã vay là 64.600.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí giám định, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và việc thi hành án dân sự.

Ngày 17/8/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc vợ chồng bị đơn phải trả 64.600.000 đ tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật; về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày và tranh luận của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 18/4/2022, bà Nguyễn Thị Mỹ L có Đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L như đề nghị của nguyên đơn và của đại diện Viện kiểm sát.

[2] Về số tiền vay: Bà Nguyễn Thị S yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà S số tiền gốc là 64.600.000 đồng theo giấy mượn tiền vào ngày 02/6/2015. Bà Nguyễn Thị Mỹ L thừa nhận vay bà S 64.600.000 đồng và chữ viết, chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 02/6/2015 là do bà viết và ký. Do vậy có đầy đủ căn cứ khẳng định bà L có vay của bà S 64.600.000 đồng.

[3] Trong giấy mượn tiền nêu trên, không có nội dung thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ và phương thức trả nợ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, các bên trình bày đây là hình thức vay trả góp, có lãi, bên vay phải trả góp hàng ngày cho bên cho vay và số tiền trả góp hàng ngày bao gồm cả tiền gốc và lãi.

[4] Về số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn: Bị đơn cho rằng sau khi viết giấy nhận nợ, bà tiếp tục trả cho bà S đến tháng 5/2017 tổng số tiền 6.200.000 đồng, nhưng do cuốn sổ theo dõi việc trả góp bị cũ nát nên thống nhất bỏ đi, theo dõi vào cuốn sổ khác và bắt đầu tính góp từ ngày 21/6/2017 âm lịch, mỗi ngày góp 50.000 đồng. Tổng số tiền bà đã trả góp cho bà S là 64.900.000 đồng, trong khi số tiền vay chỉ có 64.600.000 đ, bà đã trả đủ cho bà S, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S. Bà S thừa nhận chữ viết trong vở học sinh mà bà L cung cấp là chữ của bà, nhưng số tiền nói trên là trả cho khoản vay ngày 28/3/2015 với số tiền bà L vay là 37.500.000 đồng, bà không tranh chấp khoản vay này. Xét thấy, với chứng cứ bà S cung cấp và sự thừa nhận của bà L, có đủ căn cứ khẳng định bà L 02 lần viết giấy mượn tiền của bà S, cụ thể là: Giấy mượn tiền ngày 02/6/2015, với số tiền là

64.600.000đ và giấy mượn tiền ngày 28/3/2015 với số tiền là 37.500.000 đ. Như vậy, bà L có 02 khoản vay đối với bà S và đều diễn ra trong năm 2015 (trước thời điểm trả nợ). Tại cấp sơ thẩm, bà L trình bày bà đã trả hết nợ cho bà S đối với cả 02 khoản vay trên nhưng bà chỉ cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện mới trả cho 01 khoản vay. Xem xét bản gốc giấy mượn tiền bà S cung cấp thì thấy, giấy mượn tiền ngày 28/3/2015 có gạch chéo phần nội dung, còn giấy mượn tiền ngày 02/6/2015 không gạch chéo, theo bà S trình bày thì đối với khoản vay nào bên vay đã trả đủ thì sẽ gạch chéo trong giấy mượn tiền, khoản nào chưa trả đủ thì giữ nguyên. Cấp sơ thẩm cho rằng số tiền bà L đã trả cho bà S là 64.900.000đ, tương ứng với khoản vay 64.600.000đ nên xác định số tiền bà L đã trả là trả cho khoản vay 64.600.000đ. Đối với hình thức vay trả góp, số tiền bên vay đã trả cho bên cho vay bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi. Cấp sơ thẩm lấy số tiền gốc so sánh với số tiền gốc cộng tiền lãi để cho rằng số tiền đã trả tương ứng với số tiền đã vay là không có cơ sở vững chắc. Giả sử mức lãi suất 9% năm theo lãi suất cơ bản, thì tiền lãi trong 02 năm (từ thời điểm vay đến thời điểm trả nợ) của số tiền là 64.600.000đ là 11.628.000đ, cộng cả gốc và lãi là 76.228.000đ nên số tiền bà Linh đã trả không thể xem là tương đương với khoản vay 64.600.000đ. Bà S trình bày, đối với khoản vay trả góp các bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, do bà L vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên chưa làm rõ được các bên thỏa thuận lãi suất là bao nhiêu, nếu các bên thỏa thuận là 3%/tháng, thì lãi suất trong 2 năm của khoản vay 37.500.000đ là 27.000.000đ, cả gốc và lãi là 64.500.000đ. Mặt khác, nếu bà L đã trả khoản nợ 64.600.000đ cho bà S thì tại sao giấy mượn tiền vẫn do bà S giữ và không bị gạch bỏ như giấy mượn tiền đối với khoản nợ 37.5000.000đ. Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử xét thấy trách nhiệm chứng minh việc trả nợ thuộc về bị đơn, với những chứng cứ bà L đưa ra, chưa đủ cơ sở để khẳng định bà L đã thanh toán xong cho bà S đối với khoản vay 64.600.000đ. Do vậy yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà S có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền bà L đã trả cho bà S mà bà S cho rằng số tiền này trả cho khoản nợ 37.500.000đ, nếu bà L cho rằng việc trả số tiền trên là vượt quá lãi suất quy định thì bà L có quyền yêu cầu bà S phải trả lại phần chênh lệch lãi suất theo quy định pháp luật.

[5] Nghĩa vụ liên đới: Mặc dù giấy vay tiền do bà L ghi nhưng ông T chồng bà L biết việc vay mượn của các bên và mục đích vay tiền là để phát triển kinh tế gia đình nên ông Nguyễn Minh T là chồng bà L cùng phải có trách nhiệm trả khoản nợ nêu trên.

[6] Về chi phí giám định: Tại cấp sơ thẩm bà L không thừa nhận chữ viết chữ ký trong giấy vay tiền ngày 28/3/2015 là của bà, kết quả giám định thể hiện là chữ ký, chữ viết của bà L, mặc dù bà S không khởi kiện bà L phải trả nợ theo giấy vay tiền này nhưng đây là tài liệu chứng cứ làm cơ sở giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S nên bà L, ông T phải chịu chi phí giám định và phải hoàn trả số tiền này cho bà S.

[7] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2021/DS-ST ngày 09/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; 148, 161, 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Minh T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S 64.600.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Minh T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S 2.120.000 đồng chi phí giám định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 807.500 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004276 ngày 02/10/2020 và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0007440 ngày 23/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Minh T phải liên đới chịu 3.230.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/4/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Tánh Linh;
- Chi cục THADS Tánh Linh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quản